TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1836/2026/QĐST-HNGĐ	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 05 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua vào ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 1703/2026/TLST-VHNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026, về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

+ Ông Tiên Bửu HậuSinh năm: 1971

CCCD số 079071005695 cấp ngày 22/12/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ: C X, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Nguyễn Thị B Sinh năm: 1966

CCCD số 079166002581 cấp ngày 25/11/2024 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ: C X, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Tiên Bửu H và bà Nguyễn Thị B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993, đến năm 1994 bà B sinh một (01) người con chung tên Tiên Bửu H1, sinh ngày 02/9/1995. Đến năm 2006, ông bà tự nguyện tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B (trước đây là Phường B, quận B), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 101, Quyển số 01, cấp ngày 24/7/2006.

[2] Căn cứ vào biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự ngày 20 tháng 5 năm 2026 giữa ông Tiên Bửu H và bà Nguyễn Thị B đã có sự thỏa thuận như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Tiên Bửu H và bà Nguyễn Thị B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống ông Tiên Bửu H và bà Nguyễn Thị B có 01 con chung là Tiên Bửu H1, sinh ngày 02/9/1995. Hiện nay đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Ông H và bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Lệ phí ly hôn 300.000 đồng, ông Tiên Bửu H và bà Nguyễn Thị B phải nộp.

[3] Xét việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Tiên Bửu H và bà Nguyễn Thị B thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 101, Quyển số 01, cấp ngày 24/7/2006 do Ủy ban nhân dân phường phường dân phường B (trước đây là Phường B, quận B), Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Tiên Bửu H và bà Nguyễn Thị B hết hiệu lực pháp luật kể từ ngày ban hành quyết định này.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống ông Tiên Bửu H và bà Nguyễn Thị B có 01 con chung là 01 con chung là Tiên Bửu H1, sinh ngày 02/9/1995, hiện nay đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Ông H và bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Lệ phí ly hôn 300.000 đồng, ông Tiên Bửu H và bà Nguyễn Thị B phải nộp, nhưng được cấn trừ vào số tiền lệ phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà ông H và bà B đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0019009 ngày 27/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H và bà B đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND TP. Hồ Chí Minh;*
- *VKSND KV5;*
- *THADS TPHCM;*
- Đương Sự;
- *Lưu VP (Hồ Sơ);*

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Thủy